

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2023/DS-PT
Ngày: 29 - 6 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Giang Thị Cẩm Thúy

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng
Ông Trần Minh Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Minh Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trương Trung Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 45/2023/TLPT-DS ngày 19 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2023/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 89/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Yến D, sinh năm 1964 và ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ: Số 24, ấp Thạnh L, xã Châu H, huyện V, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T: Bà Trịnh Thị Yến D, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp Thạnh L, xã Châu H, huyện V, tỉnh B, theo văn bản ủy quyền ngày 04/10/2022 (có mặt).

Bị đơn: Ông Lý Minh T1, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị Kim Tr, sinh năm 1953 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Thạnh L, xã Châu H, huyện V, tỉnh B.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn T, bà Trịnh Thị Yến D là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2022 và các lời khai nguyên đơn ông Nguyễn Minh T, bà Trịnh Thị Yến D cùng trình bày:

Vào ngày 20/10/2011 (âm lịch), vợ chồng ông Nguyễn Minh T và bà Trịnh Thị Yến D có cho vợ chồng ông Lý Minh T1 và bà Nguyễn Thị Kim Tr vay số tiền

110.000.000 đồng, quy đổi thành 2,4 lượng vàng 9999, lãi suất 03 chỉ vàng 9999/01 năm, thời hạn vay 03 năm, đến ngày 20/11/2014 (âm lịch) sẽ trả vàng gốc và lãi, khi vay không làm giấy tờ. Sau khi hết thời hạn, ông T1 và bà Tr vẫn không trả vàng gốc, lãi. Đến năm 2015, ông T1 và bà Tr còn nợ vàng gốc 2,4 lượng vàng 9999 và lãi 1,2 lượng vàng 9999, tổng cộng 3,6 lượng vàng 9999, ông T1 và bà Tr trả 1 chỉ vàng 9999, còn nợ 3,5 chỉ vàng 9999. Do ông T1 và bà Tr không có vàng trả nên ông T1, bà Tr đã cố đất cho ông T, bà D diện tích 3,5 công tằm cấy đất trồng lúa, thỏa thuận khi nào ông T1, bà Tr có vàng sẽ chuộc lại đất. Ông T1, bà Tr không giao đất cho ông T, bà D mà thuê đất lại để canh tác, với giá thuê 1.200kg lúa Tài Nguyên, việc cố đất và cho thuê đất không làm giấy tờ. Từ khi thuê đất đến năm 2019, ông T1 và bà Tr đã trả đủ lúa thuê, năm 2020 còn nợ 67kg lúa Tài Nguyên. Đến năm 2021, do hai bên mâu thuẫn ranh đất nên ông T1, bà Tr không trả tiền thuê đất. Nay ông T, bà D yêu cầu hủy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất và hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa ông T, bà D với ông T1, bà Tr; yêu cầu ông T1, bà Tr trả 3,5 lượng vàng 9999 và 2.467kg lúa Tài Nguyên là tiền thuê đất từ năm 2020 đến năm 2022.

Ngoài ra, vào ngày 16/01/2015 (âm lịch) ông T1, bà Tr vay số tiền 8.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 01 tháng, mục đích tổ chức lễ cưới cho con ông T1, bà Tr, khi vay không làm giấy tờ. Sau đó, ông T1, bà Tr vẫn không trả tiền gốc và lãi. Đến năm 2018, ông T1 và bà Tr trả tiền gốc 8.000.000 đồng, còn nợ tiền lãi 8.640.000 đồng thỏa thuận cuối năm thu hoạch lúa sẽ trả nhưng không thực hiện. Ông T, bà D yêu cầu ông T1, bà Tr trả tiền lãi 8.640.000 đồng.

Về giao dịch mua bán thức ăn nuôi heo: vào năm 2017, ông T1 và bà Tr nhiều lần mua thức ăn nuôi heo do ông T, bà D có kinh doanh mua bán thức ăn gia súc, gia cầm. Khi bán thức ăn cho ông T1, bà Tr thì hai bên có lập sổ tự theo dõi và thỏa thuận khi nào bán heo sẽ thanh toán tiền. Số tiền mà ông T1, bà Tr đã mua thức ăn nuôi heo đến cuối năm 2018 là 49.465.000 đồng. Sau khi bán heo, ông T1, bà Tr đã trả 27.000.000 đồng, còn nợ 22.465.000 đồng. Ông T, bà D yêu cầu ông T1, bà Tr trả tiền mua thức ăn nuôi heo còn nợ là 22.465.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/01/2009 đến khi thanh toán xong nợ, với lãi suất 0,83%/tháng là 8.390.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn, đồng bị đơn ông Lý Minh T1, bà Nguyễn Thị Kim Tr không đến Tòa án trình bày ý kiến, Tòa án đến nhà lấy lời khai nhưng ông T1, bà Tr vẫn không đồng ý cung cấp lời khai và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T và bà Trịnh Thị Yên D đối với ông Lý Minh T1 và bà Nguyễn Thị Kim Tr, về yêu cầu ông Lý Minh T1 và bà Nguyễn Thị Kim Tr thanh toán số tiền mua thức ăn nuôi heo là 23.360.006 đồng, trong đó tiền gốc 22.465.000 đồng và tiền lãi 895.006 đồng.

2. Buộc ông Lý Minh T1 và bà Nguyễn Thị Kim Tr cùng có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Minh T và bà Trịnh Thị Yến D số tiền mua thức ăn nuôi heo là 23.360.006 đồng, trong đó tiền gốc 22.465.000 đồng và tiền lãi 895.006 đồng.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T và bà Trịnh Thị Yến D đối với ông Lý Minh T1 và bà Nguyễn Thị Kim Tr, về yêu cầu hủy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất và hợp đồng thuê quyền sử dụng đất; yêu cầu ông Lý Minh T1 và bà Nguyễn Thị Kim Tr trả 3,5 lượng vàng 9999 và 2.467kg lúa Tài nguyên là tiền thuê đất từ năm 2020 đến năm 2022; yêu cầu trả tiền lãi của tiền vay là 8.640.000 đồng (tám triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng); yêu cầu trả tiền lãi của tiền nợ thức ăn nuôi heo là 7.494.994 đồng (bảy triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn chín trăm chín mươi bốn đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên lãi suất chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/3/2023, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Trịnh Thị Yến D kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xử hủy giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất giữa ông T, bà D và ông T1, bà Tr; buộc ông T1, bà Tr trả lại cho ông T, bà D 3,5 lượng vàng (loại vàng 9999) và thanh toán tiền thuê đất còn nợ các năm 2020, 2021, 2022 là 2.467kg lúa Tài Nguyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn T, bà Trịnh Thị Yến D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong thời hạn luật định, người kháng cáo có đơn và được xét miễn dự nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định. Căn cứ vào các Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Bị đơn là ông Lý Minh T1, bà Nguyễn Thị Kim Tr đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Trịnh Thị Yến D, kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về yêu cầu hủy giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất giữa ông T, bà D và ông T1, bà Tr; buộc ông T1, bà Tr

trả lại cho ông T, bà D 3,5 lượng vàng (loại vàng 9999) và thanh toán tiền thuê đất còn nợ các năm 2020, 2021, 2022 là 2.467kg lúa Tài nguyên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Trịnh Thị Yến D yêu cầu tòa án xét xử hủy giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất giữa ông T, bà D và ông T1, bà Tr do nguyên đơn cho rằng, ông T1 và bà Tr nợ 3,5 lượng vàng 9999 nên ông T1, bà Tr cố đất cho ông T, bà D diện tích 3,5 công tầm cây, đất trồng lúa và thỏa thuận cho thuê lại đất với giá 1.200kg lúa Tài Nguyên/năm, thời điểm nhận cố đất của ông T1, bà Tr và cho thuê đất không làm giấy tờ nhưng có nhiều người biết. Cụ thể: ông T, bà D đưa số tiền 110.000.000 đồng cho bà Tr thì bà Nguyễn Thị Bích H chứng kiến, bà Hạnh biết ông T1, bà Tr cố đất cho ông T, bà D và cho ông T1, bà Tr thuê đất. Tại lời khai của bà Nguyễn Thị Bích Hạnh, thể hiện bà H chỉ thấy bà D đưa tiền cho bà Tr nhưng không biết giao bao nhiêu tiền, không chứng kiến giao dịch vay tiền, còn giao dịch cầm cố và cho thuê đất thì bà Hạnh trực tiếp chứng kiến. Thấy rằng, bà Hạnh xác định trực tiếp chứng kiến giao dịch cầm cố đất và cho thuê đất giữa ông T, bà D với ông T1, bà Tr nhưng lời khai của bà H mâu thuẫn với lời khai của ông T, bà D về tiền cố đất và giá thuê đất, do bà H cho rằng tiền cố đất là 110.000.000 đồng và giá thuê đất mỗi năm khoảng 17 gia lúa Tài Nguyên, còn ông T và bà D xác định tiền cố đất 3,5 lượng vàng 9999 và giá thuê đất 1.200kg lúa Tài Nguyên. Mặt khác, bà H có mối quan hệ bà con với ông T và với bà Tr, gia đình bà H có xảy ra mâu thuẫn liên quan đến tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông T với ông T1, bà Tr. Do đó, cấp sơ thẩm nhận định lời khai của bà H không khách quan và không có cơ sở xem xét là phù hợp.

[2.2] Ngoài ra, ông T, bà D còn yêu cầu xác minh ông Nguyễn Hoàng H và ông Nguyễn Tín D là những người biết ông T1, bà Tr vay tiền và cầm cố đất, thuê đất; bà Đặng Thị M chứng kiến việc ông T1, bà Tr đong lúa trả đất thuê cho ông T, bà D. Tuy nhiên, lời khai của ông H và ông D đều xác định ông H và ông D không trực tiếp chứng kiến mà chỉ nghe ông T nói lại; lời khai bà M thể hiện *“chỉ thấy ông T1, bà Tr đong lúa cho ông T, bà D nhưng không biết đong bao nhiêu lúa và việc đong lúa là trả tiền lãi của tiền vay, không phải tiền thuê đất”*. Ông T, bà D còn yêu cầu xác minh thành phần Tổ hòa giải ấp Thạnh L, xã Châu H, huyện Vĩnh L gồm ông Nguyễn Văn H là Trưởng ấp, ông Trần Quan K là Bí thư Chi bộ ấp, ông Nguyễn Văn C, do ông T có yêu cầu chính quyền địa phương ấp Thạnh L giải quyết. Tuy nhiên, theo lời khai ông H, ông C, ông K đều xác định không trực tiếp chứng kiến giao dịch cầm cố đất và cho thuê đất giữa ông T, bà D với ông T1, bà Tr.

[2.3] Giai đoạn phúc thẩm, bà D cung cấp 02 văn bản gồm: 01 văn bản là *“Lời trình bày”* của ông Nguyễn Minh H có nội dung *“Ngày 20/11/2011, cha vợ có một số đất số tiền 100.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24k trị giá 10.000.000 đồng, tổng cộng 110.000.000 đồng, tôi nhận cùng trong ngày nói trên, cha vợ tên Lý Minh T1, mẹ vợ tên Nguyễn Thị Kim Tr trong ngày đó tôi chờ lấy tiền, mẹ vợ với chị vợ tôi từ nhà ông Nguyễn Văn T về đưa tiền cho tôi”* và 01 văn bản là *“Lời trình người chứng kiến”* của ông Nguyễn Văn Hiền – trưởng ấp Thạnh Long, nội dung dung xác định *“có chứng kiến việc ông T1, bà Tr đong lúa cho ông T, bà D vào các năm 2018 số lúa 1200kg lúa tài nguyên khô, năm 2019 số*

lúa 1200kg lúa tài nguyên và năm 2020 ông T1, bà Tr đóng số lúa 1133kg, còn thiếu lại 67kg lúa tài nguyên”.

[2.4] Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của ông Nguyễn Văn Hiền có nội dung như trình bày có trong hồ sơ vụ án, ông Hiền chỉ chứng kiến việc ông T1 bà Tr đóng lúa cho ông T, bà D mà không chứng kiến, không biết việc cầm cố đất và cho thuê đất giữa ông T, bà D và ông T1, bà Tr nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông T, bà Tr về hợp đồng cầm cố đất và cho thuê đất đối với ông T1, bà Tr. Đối với “Lời trình bày” của ông Nguyễn Minh H có nội dung xác định ông Hằng thấy bà Tr, chị vợ ông Hằng (con gái bà Tr, chị gái của vợ ông Hằng) từ nhà ông T về thì tại Biên bản xác minh ngày 27/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đối với ông Hằng thì ông Hằng xác định chữ ký trong văn bản Lời trình bày là của ông nhưng nội dung ông có thấy bà Tr mẹ vợ và chị vợ từ nhà ông T về trong khi ông ở nhà chờ bà Tr trả tiền chuộc đất 110.000.000 đồng là không đúng. Ông xác định không thấy, không biết bà Tr đi đâu về và không biết bà Tr từ đâu có số tiền 110.000.000 đồng để trả tiền chuộc đất cho ông. Thời gian sau này ông có nghe ông T nói lại là ông T1, bà Tr lấy tiền 110.000.000 đồng từ ông T. Nhận thấy, nội dung văn bản “Lời trình bày” của ông Nguyễn Minh H do bà D cung cấp để chứng minh việc ông T1, bà Tr cầm cố đất cho ông T, bà D và nội dung biên bản xác minh từ người ký tên văn bản trình bày là không có sự thống nhất, đồng thời giữa ông Nguyễn Minh H xác định ông Hằng và ông T1, bà Tr có mâu thuẫn với nhau, không còn qua lại trong nhiều năm theo lời trình bày của ông Hằng. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận chứng cứ do bà D cung cấp.

[2.5] Từ những phân tích trên, không có cơ sở xác định giữa ông T, bà D với ông T1, bà Tr có giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất và giao dịch thuê quyền sử dụng đất. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông T, bà D hủy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất và hợp đồng thuê quyền sử dụng đất; yêu cầu ông T1, bà Tr trả 3,5 lượng vàng 9999 và 2.467kg lúa Tài nguyên là tiền thuê đất từ năm 2020 đến năm 2022 là có căn cứ. Giai đoạn phúc thẩm, ông T, bà D cũng không cung cấp chứng cứ khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T, bà D; có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[3] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm, ông T, bà D không phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, bà Trịnh Thị Yến D;
Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 28/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 5 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố

tụng dân sự; Điều 357, Điều 430, khoản 1 và khoản 3 Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T và bà Trịnh Thị Yến D đối với ông Lý Minh T1 và bà Nguyễn Thị Kim Tr về yêu cầu hủy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất, hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và yêu cầu ông Lý Minh T1 và bà Nguyễn Thị Kim Tr trả vàng cầm cố đất là 3,5 lượng vàng 9999; tiền thuê đất là 2.467kg lúa Tài nguyên.

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T và bà Trịnh Thị Yến D đối với ông Lý Minh T1 và bà Nguyễn Thị Kim Tr về yêu cầu trả tiền lãi của tiền vay là 8.640.000 đồng.

3/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T và bà Trịnh Thị Yến D đối với ông Lý Minh T1 và bà Nguyễn Thị Kim Tr về yêu cầu ông Lý Minh T1 và bà Nguyễn Thị Kim Tr thanh toán số tiền mua thức ăn nuôi heo là 23.360.006 đồng, trong đó tiền gốc 22.465.000 đồng và tiền lãi 895.006 đồng.

Buộc ông Lý Minh T1 và bà Nguyễn Thị Kim Tr cùng có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Minh T và bà Trịnh Thị Yến D số tiền mua thức ăn nuôi heo là 23.360.006 đồng, trong đó tiền gốc 22.465.000 đồng và tiền lãi 895.006 đồng.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Án phí dân sự phúc thẩm ông Nguyễn Minh T và bà Trịnh Thị Yến D được miễn theo quy định.

6. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Vĩnh Lợi;
- CCTHADS huyện Vĩnh Lợi;
- Đường sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Giang Thị Cẩm Thúy

